

Số: 9.12...../QĐ-ĐHDL

Lâm Đồng, ngày 12 tháng 11 năm 2020

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ khóa 28 (Đợt 2)

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

Căn cứ Quyết định số: 426/TT ngày 27 tháng 10 năm 1976 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Đà Lạt;

Căn cứ Quyết định số 959/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 07 tháng 3 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phân cấp quản lý tổ chức cán bộ, viên chức các trường Đại học trực thuộc Bộ;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT-GDDH của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ kết quả thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2020 (Đợt 2) và biên bản họp xét tuyển thạc sĩ ngày 12/11/2020;

Xét đề nghị của ông trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau Đại học.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận 76 thí sinh có tên trong danh sách kèm theo trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ khóa 28 (Đợt 2) hệ chính quy tập trung của Trường Đại học Đà Lạt cụ thể như sau:

STT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH	SỐ LƯỢNG TRÚNG TUYỂN
1	8460102	Toán giải tích	11
2	8440118	Hóa phân tích	09
3	8420120	Sinh thái học	03
4	8420114	Sinh học thực nghiệm	10
5	8220121	Văn học Việt Nam	07
6	8229013	Lịch sử Việt Nam	06
7	8340101	Quản trị kinh doanh	30

**Điều 2.** Các thí sinh có tên trong danh sách có nghĩa vụ và quyền lợi theo quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, ban phụ trách chuyên ngành Đào tạo Sau đại học, Trưởng các khoa đào tạo sau đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và các ông (bà) có tên trong danh sách ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: Văn thư, QLĐTSDH.



HIỆU TRƯỞNG

Lê Minh Chiến

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

DANH SÁCH THÍ SINH TRỪNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ - NĂM 2020 (Đợt 2)

NGÀNH: TOÁN GIẢI TÍCH (Mã ngành: 8460102)

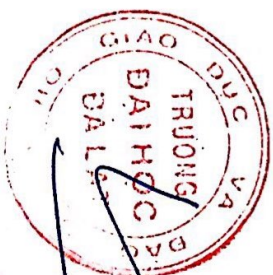
(Kèm theo Quyết định số: 914/QĐ-DHDL ngày 12 tháng 11 năm 2020)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	PHAI	NƠI CÔNG TÁC	VĂN BẢNG ĐẠI HỌC				DIỂM THI CÁC MÔN					TỔNG	MSHV				
						TRƯỜNG TỐT NGHIỆP	HỆ ĐÀO TẠO	NGÀNH TỐT NGHIỆP	NĂM TỐT NGHIỆP	LOẠI	CC BỎ TỨC	ƯU TIÊN	CƠ SỐ	CƠ BẢN			ƯU TIÊN MÔN CƠ BẢN	NGOẠI NGỮ	ƯU TIÊN MÔN NGOẠI NGỮ	
1	Nguyễn Thi Diễm Ai	18/07/98	Lâm Đồng	Nữ		Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm Toán học	2019	Khá				7.50	5.00	-	Miễn	-	12.50	2001035
2	Trần Trinh Minh	02/03/83	Lâm Đồng	Nam	Trường THPT Xuân Trường, Đà Lạt, Lâm Đồng	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Toán tin học	2006	TB Khá		KV1	6.00	5.00	1.00	59.50	10.00	12.00	2001036	
3	Huyền Nguyễn Anh Tài	29/06/98	Lâm Đồng	Nam		Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm Toán học	2019	Giỏi			7.50	6.00	-	Miễn	-	13.50	2001037	
4	Nguyễn Thị Thảo Như	09/10/88	Lâm Đồng	Nữ		Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm Toán học	2020	Khá			7.00	5.00	-	Miễn	-	12.00	2001038	
5	Lê Ngọc Minh Thu	01/05/97	Lâm Đồng	Nữ		Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm Toán học	2020	Khá			7.00	5.00	-	Miễn	-	12.00	2001039	
6	Trần Thị Thủy	05/04/85	Hà Nam	Nữ	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Toán tin học	2009	Khá		KV1	6.50	5.00	1.00	72.50	10.00	12.50	2001040		
7	Khuất Thị Ngọc	23/09/97	Lâm Đồng	Nữ		Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm Toán học	2019	Khá			5.50	6.00	-	Miễn	-	11.50	2001041	
8	Võ Lê Quỳnh Trang	16/04/95	Lâm Đồng	Nữ	Tư do	Trường Đại học Quy Nhơn	Chính quy	Sư phạm Toán học	2019	Khá			6.00	6.00	-	81.50	-	12.00	2001042	
9	Phạm Minh Trúc Thủy	01/11/98	Lâm Đồng	Nữ		Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm Toán học	2020	Xuất sắc			8.50	8.00	-	Miễn	-	16.50	2001043	
10	Lưu Cảnh VT	09/10/91	Cao Bằng	Nam	Trường THPT Hoàng Hoa Thám, Đức Trọng, Lâm Đồng	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm Toán học	2013	Khá		KV1	7.00	6.50	1.00	71.50	10.00	14.50	2001044	

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	PHÀI	NƠI CÔNG TÁC	VĂN BẰNG ĐẠI HỌC				LOẠI	CC BỎ TỨC	ƯU TIÊN	ĐIỂM THI CÁC MÔN				TỔNG <sup>1</sup>	MSHV	
						TRƯỜNG TỐT NGHIỆP	HỆ ĐẠO TẠO	NGÀNH TỐT NGHIỆP	NĂM TỐT NGHIỆP				CƠ SỞ	CƠ BAN	ƯU TIÊN MÔN CƠ BẢN	NGOẠI NGỮ			ƯU TIÊN MÔN NGOẠI NGỮ
11	Nguyễn Hoàng Y	04/09/97	Lâm Đồng	Nam		Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm Toán học	2019	Khá			6.50	6.50	-	Miễn	-	13.00	2001045

Tổng : Điểm thi môn cơ sở + Điểm thi môn cơ bản + điểm ưu tiên môn cơ bản( nếu có).

**HIỆU TRƯỞNG**



Lê Minh Chiến



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ - NĂM 2020 (Đợt 2)**

**NGÀNH: HÓA PHÂN TÍCH (MÃ NGÀNH: 8440118)**

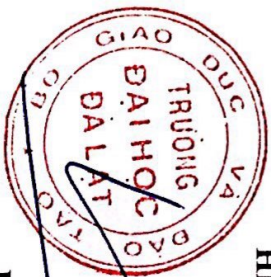
*(Kèm theo Quyết định số: 912/QĐ-DHDL ngày 12 tháng 11 năm 2020)*

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	PHÁI	NƠI CÔNG TÁC	VĂN BẰNG ĐẠI HỌC						ĐIỂM THI CÁC MÔN						TỔNG	MSHV	
						TRƯỜNG TỐT NGHIỆP	HỆ ĐÀO TẠO	NGÀNH TỐT NGHIỆP	NĂM TỐT NGHIỆP	LOẠI	CC BỘ TỨC	ƯU TIÊN	CƠ SỞ	CƠ BẢN	ƯU TIÊN MÔN CƠ BẢN	NGOẠI NGỮ	ƯU TIÊN MÔN NGOẠI NGỮ			
1	Dương Thị Chi Bích	08/01/86	Lâm Đông	Nữ	Trung tâm ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong công nghiệp	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Hóa học	2008	TB	Khá		KV1	6.25	5.50	1.00	87.50	10.00	12.75	2001046
2	Lê Thị Hà	29/04/94	Hà Nam	Nữ	Trường THPT Chuyên Bảo Lộc	Trường ĐH Sư phạm TPHCM	Chính quy	Sư phạm Hóa học	2016	Giỏi			KV1	9.50	9.50	1.00	88.00	10.00	19.50	2001047
3	Đặng Thị Hằng Thanh	03/10/86	Lâm Đông	Nữ	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Lâm Đông	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Hóa học	2009	TB			KV1	7.25	8.75	1.00	79.00	10.00	17.00	2001048
4	Đặng Vinh Khai	28/01/96	Lâm Đông	Nam		Trường Đại học Y dược TP HCM	Chính quy	Dược sĩ	2019	Khá	X			9.00	9.25	-	93.00	-	18.25	2001049
5	Nguyễn Thị Hương Lan	27/02/86	Lâm Đông	Nữ		Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Môi trường	2008	TB	Khá	X	KV1	7.75	8.00	1.00	89.50	10.00	16.75	2001050
6	Huyền Thị Anh Ly	22/07/94	Quảng Ngãi	Nữ	Trường THCS Phú Sơn, Lâm Hà, Lâm Đông	Trường Đại học Quy Nhơn	Chính quy	Sư phạm Hóa học	2017	Giỏi			KV1	9.00	6.50	1.00	77.50	10.00	16.50	2001051

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	PHÁI	NƠI CÔNG TÁC	VĂN BẰNG ĐẠI HỌC						ĐIỂM THI CÁC MÔN				TỔNG	MSHV				
						TRƯỜNG TỐT NGHIỆP	HỆ ĐÀO TẠO	NGÀNH TỐT NGHIỆP	NĂM TỐT NGHIỆP	LOẠI	CC BỘ TỨC	ƯU TIÊN	CƠ SỐ	CƠ BẢN	ƯU TIÊN MÔN CƠ BẢN			NGOẠI NGỮ	ƯU TIÊN MÔN NGOẠI NGỮ		
7	Phan Văn Phúc	31/08/98	Lâm Đồng	Nam	Trung tâm ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong công nghiệp	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm Hóa học	2020						9.00	10.00	-	92.00	-	19.00	2001052
8	Lê Thị Thanh Tâm	13/09/82	Lâm Đồng	Nữ	Trưởng Đại học tư nhân, ĐH Quốc gia HCM	Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐH Quốc gia HCM	Chính quy	Công nghệ Sinh học	2004	Giỏi	X	KV1	9.25	9.25	1.00	Miễn	10.00			19.25	2001033
9	Trần Ngọc Vi	30/09/86	Lâm Đồng	Nữ	Trưởng Cao đẳng Du lịch Đà Lạt	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm Hóa học	2009	TB Khá		KV1	8.75	9.50	1.00	75.50	10.00			18.75	2001054

Tổng : Điểm thi môn cơ sở + Điểm thi môn cơ bản + điểm ưu tiên môn cơ bản( nếu có).

HIỆU TRƯỞNG



Lê Minh Chiến

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT**

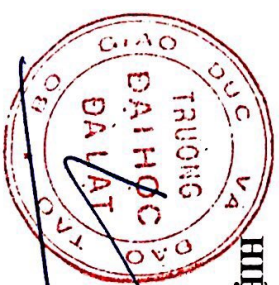
**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ - NĂM 2020 (Đợt 2)**

**NGÀNH: SINH THÁI HỌC ( MÃ NGÀNH : 8420120)**

*(Kèm theo Quyết định số: 91/QĐ-ĐHDL ngày 12 tháng 11 năm 2020)*

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	PHÁI	NƠI CÔNG TÁC	VĂN BẰNG ĐẠI HỌC					ĐIỂM THI CÁC MÔN					TỔNG <sup>1</sup>	MSHV		
						TRƯỜNG TỐT NGHIỆP	HỆ ĐÀO TẠO	NGÀNH TỐT NGHIỆP	NĂM TỐT NGHIỆP	LOẠI	CC BỘ TỨC	ƯU TIÊN	CƠ SỐ	CƠ BẢN	ƯU TIÊN MÔN CƠ BẢN			NGOẠI NGỮ	ƯU TIÊN MÔN NGOẠI NGỮ
1	Cao Thi Lan Anh	17/12/98	Gia Lai	Nữ		Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm Sinh học	2020	Khá			9,75	8,50	-	Miễn	-	18,25	2001055
2	Nguyễn Lê Cường	20/09/97	Khánh Hòa	Nam		Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Công nghệ Sinh học	2019	TB			9,00	6,50	-	Miễn	-	15,50	2001056
3	Hồ Thủy Hiệp	22/08/82	Bình Thuận	Nữ	Trường THPT Hàm Thuận Bắc	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sinh học	2004	Khá			6,25	6,25	-	82,50	-	12,50	2001057

<sup>1</sup>Tổng : Điểm thi môn cơ sở + Điểm thi môn cơ bản + điểm ưu tiên môn cơ bản( nếu có).



**HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Minh Chiến**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ - NĂM 2020 (Đợt 2)**  
**NGÀNH: SINH HỌC THỰC NGHIỆM (Mã ngành : 8420114)**

(Kèm theo Quyết định số: 912/QĐ-DHDL ngày 12 tháng 11 năm 2020)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	PHÁI	NƠI CÔNG TÁC	VĂN BẰNG ĐẠI HỌC						ĐIỂM THI CÁC MÔN					TỔNG	MSHV	
						TRƯỜNG TỐT NGHIỆP	HỆ ĐÀO TẠO	NGÀNH TỐT NGHIỆP	NĂM TỐT NGHIỆP	LOẠI	CC BỐ TỨC	ƯU TIÊN	CƠ SỐ	CƠ BẢN	ƯU TIÊN MÔN CƠ BẢN	NGOẠI NGỮ			ƯU TIÊN MÔN NGOẠI NGỮ
1	Nguyễn Ngọc Hoàng Anh	28/06/89	Lâm Đông	Nam	Trung tâm nghiên cứu khoa kỹ rau và hoa	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	Chính quy	Công nghệ Sinh học	2013	TB Khá		KV1	7.00	6.00	1.00	68.00	10.00	14.00	2001058
2	Đình Thị Chi	25/04/86	Hà Tĩnh	Nữ	Trường Đại học Đà Lạt	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sinh học	2008	Khá			8.00	6.00	-	81.50	-	14.00	2001059
3	Nguyễn Trí Đức	07/05/98	Phù Yên	Nam		Trường Đại học Yersin Đà Lạt	Chính quy	Công nghệ sinh học	2019	Khá			6.25	6.75	-	86.00	-	13.00	2001060
4	Lê Thị Hồng	17/08/97	Vũng Tàu	Nữ		Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Công nghệ Sinh học	2020	Khá			7.25	8.00	-	Miễn	-	15.25	2001061
5	Hoàng Đức Khải	21/12/98	Lâm Đông	Nam		Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Công nghệ Sinh học	2020	Khá			8.25	6.00	-	Miễn	-	14.25	2001062
6	Hồ Thị Lan	21/05/82	Nghệ An	Nữ	Trường THPT Hoàng Hoa Thám, Đức Trọng, Lâm Đồng	Trường Đại học Sư phạm Huế	Chính quy	Sư phạm Sinh học	2006	Khá	KV1		8.00	6.25	1.00	82.50	10.00	15.25	2001063
7	Bùi Cao Mỹ Linh	08/03/97	Triển Giang	Nữ		Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Công Nghệ sinh học	2019	Khá			6.50	9.00	-	Miễn	-	15.50	2001064
8	Dương Thị Thắm Hồng	04/10/88	Bắc Giang	Nữ	Viện Pasteur	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sinh học	2010	Giỏi			7.00	8.75	-	73.50	-	15.75	2001065



*Handwritten signature or mark.*

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	PHÁI	NƠI CÔNG TÁC	VĂN BẰNG ĐẠI HỌC						ĐIỂM THI CÁC MÔN				TỔNG	MSHV		
						TRƯỜNG TỐT NGHIỆP	HỆ ĐÀO TẠO	NGÀNH TỐT NGHIỆP	NĂM TỐT NGHIỆP	LOẠI	CC BỎ TỨC	ƯU TIÊN	CƠ SỞ	CƠ BẢN	ƯU TIÊN MÔN CƠ BẢN			NGOẠI NGỮ	ƯU TIÊN MÔN NGOẠI NGỮ
9	Trần Ngọc Trâm Bảo	08/08/98	Lâm Đông	Nữ	Nha Trang	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Công nghệ Sinh học	2020				9.25	7.00	-	Miễn	-	16.25	2001066
10	Huyền Thi Trung	20/05/86	Bình Định	Nữ		Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Nông học	2008	TB Khá	x		6.75	5.00	-	73.50	-	11.75	2001067

Tổng : Điểm thi môn cơ sở + Điểm thi môn cơ bản + điểm ưu tiên môn cơ bản( nếu có).



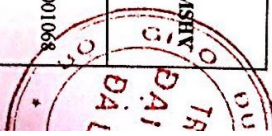
HIỆU TRƯỞNG

Lê Minh Chiến

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRỪNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ - NĂM 2020 (Đợt 2)**  
**NGÀNH: VĂN HỌC VIỆT NAM (Mã ngành: 8220121)**  
(Kèm theo Quyết định số: 314/QĐ-ĐHDL ngày 12 tháng 11 năm 2020)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	PHÁI	NƠI CÔNG TÁC	VĂN BẰNG ĐẠI HỌC						ĐIỂM THI CÁC MÔN					TỔNG <sup>1</sup>	MSBY	
						TRƯỜNG TỐT NGHIỆP	HỆ ĐÀO TẠO	NGÀNH TỐT NGHIỆP	NĂM TỐT NGHIỆP	LOẠI	CC BỎ TỨC	ƯU TIÊN	CƠ SỐ	CƠ BẢN	ƯU TIÊN MÔN CƠ BẢN	NGOẠI NGỮ			ƯU TIÊN MÔN NGOẠI NGỮ
1	Nguyễn Thị Diệu	01/01/95	Lâm Đồng	Nữ	Trường THPT Chuyên Bảo Lộc	DH SP TPHCM	Chính quy	Sư phạm ngữ văn	2017	Khá		KVI	7.50	8.50	1.00	69.50	10.00	17.00	2001068
2	Phạm Thị Lan	16/09/82	Ninh Bình	Nữ	Huyện ủy Lạc Dương	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Ngữ văn	2005	Trung bình khá		KVI	7.00	7.50	1.00	74.00	10.00	15.50	2001069
3	Nguyễn Thị Nga	07/02/90	Lâm Đồng	Nữ	Trường THCS Chu Văn An	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm ngữ văn	2016	Xuất sắc		KVI	8.00	6.00	1.00	70.00	10.00	15.00	2001070
4	Thần Thị Nghĩa	10/02/83	Bắc Giang	Nữ	Trường THCS Xã Lát	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Ngữ văn	2005	TB Khá		KVI	8.00	6.00	1.00	55.50	10.00	15.00	2001071
5	Vũ Thị Thủy Ngọc	30/12/90	Lâm Đồng	Nữ	Ủy ban MTTQ Việt Nam, Di Linh	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Văn học	2012	Khá		KVI	8.00	8.00	1.00	72.50	10.00	17.00	2001072
6	Nguyễn Văn Quân	20/05/82	Thanh Hóa	Nam	Trường THCS & THPT Đa Ninh, Lạc Dương	Trường Đại học Vinh	Chính quy	Ngữ văn	2005	Khá		KVI	8.00	8.00	1.00	70.50	10.00	17.00	2001073
7	Nguyễn Minh Thi Tư	20/10/89	Quảng Bình	Nữ	Trường Tiểu học Nghi Đức I,	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Văn học	2012	Khá		KVI	7.00	6.00	1.00	76.50	10.00	14.00	2001074



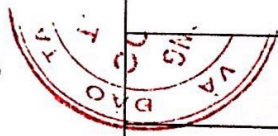
STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	PHÁI	NƠI CÔNG TÁC	VĂN BẢNG ĐẠI HỌC						ĐIỂM THI CÁC MÔN					TỔNG	MSHV		
						TRƯỜNG TỐT NGHIỆP	HỆ ĐÀO TẠO	NGÀNH TỐT NGHIỆP	NĂM TỐT NGHIỆP	LOẠI	CC BỎ TỨC	ƯU TIÊN	CƠ SỞ	CƠ BẢN	ƯU TIÊN MÔN CƠ BẢN	NGOẠI NGỮ			ƯU TIÊN MÔN NGOẠI NGỮ	
					xã Nghi Đức, Huyện Tân Bình, Thuận															

Tổng : Điểm thi môn cơ sở + Điểm thi môn cơ bản + điểm ưu tiên môn cơ bản (nếu có).



HIỆU TRƯỞNG

Lê Minh Chiến



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

DANH SÁCH THÍ SINH TRỪNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ - NĂM 2020 (Đợt 2)

NGÀNH: LỊCH SỬ VIỆT NAM ( MÃ NGÀNH : 8229013)

(Kèm theo Quyết định số: 312/QĐ-DHDL ngày 12 tháng 1 năm 2020)

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	PHÁI	NƠI CÔNG TÁC	VĂN BẰNG ĐẠI HỌC						TỔNG <sup>1</sup>	MSHV						
						TRƯỜNG TỐT NGHIỆP	HỆ ĐÀO TẠO	NGÀNH TỐT NGHIỆP	NĂM TỐT NGHIỆP	LOẠI	CC BỎ TỨC			ƯU TIÊN	CƠ SỐ	CƠ BẢN	ƯU TIÊN MÔN CƠ BẢN	NGOẠI NGỮ	ƯU TIÊN MÔN NGOẠI NGỮ
1	Cao Bảo Lâm	27/10/97	Lâm Đồng	Nam		Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm Lịch sử	2020	Giỏi			7.50	9.00	-	Miễn	-	16.50	2001075
2	Mai Hữu Lục	04/04/93	Lâm Đồng	Nam	Ủy ban nhân dân P12	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Lịch sử	2019	TB			5.00	5.00	-	55.50	-	10.00	2001076
3	Lâm Thị Phương Mai	27/10/84	Lâm Đồng	Nữ	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng, Lâm Hà, Lâm Đồng	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm Lịch sử	2007	Khá		KV1	8.50	7.50	1.00	75.50	10.00	17.00	2001077
4	Nguyễn Thị Phương	24/06/78	Hưng Yên	Nữ	Trường tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Lạc Dương	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Lịch sử	2003	Trung bình		KV1	5.00	5.00	1.00	74.50	10.00	11.00	2001078
5	Pang Kao Ha Thông	09/05/97	Lâm Đồng	Nam		Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm Lịch sử	2019	Khá		DT	6.25	6.00	1.00	Miễn	10.00	13.25	2001079
6	Nguyễn Minh VT	26/07/94	Bình Định	Nam		Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm Lịch sử	2020	Khá			7.00	5.00	-	Miễn	-	12.00	2001080

<sup>1</sup>Tổng : Điểm thi môn cơ sở + Điểm thi môn cơ bản + điểm ưu tiên môn cơ bản( nếu có).



HỆU TRƯỞNG

*Đo Minh Chiến*

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT**

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ - NĂM 2020 (Đợt 2)**

**NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH (Mã ngành : 8340101)**

*(Kèm theo Quyết định số: 914/QĐ-ĐHDL ngày 12 tháng 11 năm 2020)*

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	PHAI	NƠI CÔNG TÁC	VĂN BẢNG ĐẠI HỌC						ĐIỂM THI CÁC MÔN					TỔNG	MSHV	
						TRƯỜNG TỐT NGHIỆP	HỆ ĐÀO TẠO	NGÀNH TỐT NGHIỆP	NĂM TỐT NGHIỆP	LOẠI	CC BỒ TỨC	ƯU TIÊN	CƠ SỞ	CƠ BÀN	ƯU TIÊN MÔN CƠ BÀN	NGOẠI MÔN			ƯU TIÊN MÔN NGOẠI MÔN
1	Vũ Thị Anh Ngọc	05/04/96	Lâm Đồng	Nữ	Công tác viên Ngân hàng BIDV, Phòng giao dịch Đơn Dương	Trường Đại học Lâm Nghiệp	Chính quy	Kế toán	2018	Giỏi			7,00	6,75	-	76,50	-	13,75	2001081
2	Phạm Huỳnh Bảo Quốc	12/07/91	Lâm Đồng	Nam	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN, CN Lâm Đồng	Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	2013	Khá			8,00	6,75	-	77,00	-	14,75	2001082
3	Nguyễn Tấn Chinh	06/02/91	Lâm Đồng	Nam	Cy TNHH Đà Lạt Hasfarm	Trường Đại học Nông lâm TP. HCM	Chính quy	Bảo vệ Thực vật	2013	Khá	X	KV1	7,75	7,25	1,00	86,50	10,00	16,00	2001083
4	Nguyễn Văn Chinh	04/08/89	Đắk Lắk	Nam	Cy TNHH Phương Minh Farm	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng TP. HCM	Chính quy	Kinh tế - Kế toán Kiểm toán	2011	TB Khá			8,00	6,75	-	73,00	-	14,75	2001084
5	Nguyễn Văn Đạo	10/11/87	Hà Tĩnh	Nam	Trường Đại học Đà Lạt	Trường Đại học Quy Nhơn	Chính quy	Giáo dục TC - Quốc phòng	2011	Khá	X	KV1	7,50	4,25	1,00	75,50	10,00	12,75	2001085
6	Nguyễn Xuân Hải	06/12/96	Lâm Đồng	Nam	Bưu điện thành phố Đà Lạt	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Khoa học môi trường	2019	Khá	X		8,25	5,25	-	Miễn	-	13,50	2001086
7	Nguyễn Thị Hoài Hanh	26/04/85	Lâm Đồng	Nữ	Cy TNHH Pepsico VN	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Du lịch	2009	TB	X	KV1	8,25	7,00	1,00	81,50	10,00	16,25	2001087



STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	PHAI	NƠI CÔNG TÁC	VĂN BẰNG ĐẠI HỌC						ĐIỂM THI CÁC MÔN					TỔNG <sup>1</sup>	MSHV	
						TRƯỜNG TỐT NGHIỆP	HỆ ĐÀO TẠO	NGÀNH TỐT NGHIỆP	NĂM TỐT NGHIỆP	LOẠI	CC BỘ TỨC	ƯU TIÊN	CƠ SỞ	CƠ BẢN	ƯU TIÊN MÔN CƠ BẢN	NGOẠI NGỮ			ƯU TIÊN MÔN NGOẠI NGỮ
8	Nguyễn Hào Hữu	02/12/88	Lâm Đồng	Nam	Cảng Hàng không Liên Khu vực	Học viên công nghệ bưu chính viễn thông	Chính quy	Kỹ thuật điện tử viễn thông	2011	TB Khá	X		8.00	6.25	-	76.00	-	14.25	2001088
9	Lê Thị Hiền Thanh	18/09/87	Lâm Đồng	Nữ	Cảng Hàng không Liên Khu vực	Viện Đại học mở Hà Nội	Từ xa	Luật Kinh tế	2017	TB Khá	X		8.25	6.50	-	Miễn	-	14.75	2001089
10	Nguyễn Thị Thùy	13/07/84	Lâm Đồng	Nữ	Trung tâm kinh doanh VNPT Lâm Đồng	Học viên công nghệ bưu chính viễn thông	Vừa làm vừa học	Quản trị kinh doanh	2013	Khá		KV1	7.50	5.00	1.00	73.00	10.00	13.50	2001090
11	Võ Nguyễn Huy Hoàng	16/02/92	Lâm Đồng	Nam	Điện lực Di Linh	Trường Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia TP.HCM	DH vừa làm vừa học	Điện tử (Hệ thống điện)	2017	TB Khá	X	KV1	7.50	6.75	1.00	82.00	10.00	15.25	2001091
12	Lê Quang Hưng	01/02/97	Lâm Đồng	Nam		Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Kê toán	2020	TB			6.00	5.00	-	Miễn	-	11.00	2001092
13	Nguyễn Thị Xuân Hương	21/03/78	Lâm Đồng	Nữ	Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Quản trị kinh doanh	2000	Khá		KV1	7.00	5.25	1.00	74.00	10.00	13.25	2001093
14	Nguyễn Thị Thu Hương	10/07/94	Ninh Thuận	Nữ	Mai Linh Lâm Đồng	Trường Đại học Nông lâm TP. HCM	Chính quy	Quản trị kinh doanh	2015	Khá			7.75	6.50	-	80.00	-	14.25	2001094
15	Nguyễn Đăng Khuê	14/10/98	Lâm Đồng	Nam		Trường Đại học Bách khoa HCM	Chính quy	Quản lý Tài nguyên Môi trường	2020	Khá	X		7.00	7.25	-	Miễn	-	14.25	2001095
16	Nguyễn Thị Lan Thanh	31/10/82	Lâm Đồng	Nữ	Cục thuế tỉnh Lâm Đồng	Trường Đại học Đà Lạt	Vừa làm vừa học	Tài chính kế toán	2010	TB Khá		KV1	7.50	5.75	1.00	Miễn	10.00	14.25	2001096
17	Nguyễn Thị Liên	25/11/78	Lâm Đồng	Nữ	Cục thuế tỉnh Lâm Đồng	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Tin học	2001	TB	X	KV1	7.25	5.50	1.00	Miễn	10.00	13.75	2001097
18	Huyh Thị Ly Chiêu	25/09/88	Lâm Đồng	Nữ	Lienvietpost bank	Trường Đại học Vinh	Từ xa	Luật	2020	Giỏi	X	KV1	7.00	5.00	1.00	71.50	10.00	13.00	2001098
19	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	02/10/79	Lâm Đồng	Nữ	Trung tâm kinh doanh VNPT Lâm Đồng	Trường Đại học Giao thông vận tải	Chuyên tu	Kinh tế bưu chính	2006	Khá	X	KV1	6.00	5.00	1.00	61.00	10.00	12.00	2001099

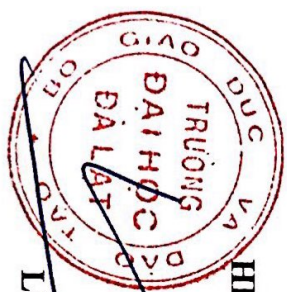
Handwritten mark or signature.

Handwritten text at the bottom of the page, possibly a page number or reference.

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	PHÁI	NƠI CÔNG TÁC	VĂN BẰNG ĐẠI HỌC						ĐIỂM THI CÁC MÔN					TỔNG	MSHV		
						TRƯỜNG TỐT NGHIỆP	HỆ ĐÀO TẠO	NGÀNH TỐT NGHIỆP	NĂM TỐT NGHIỆP	LOẠI	CC BỎ TỨC	ƯU TIÊN	CƠ SỞ	CƠ BẢN	ƯU TIÊN MÔN CƠ BẢN	NGOẠI NGỮ			ƯU TIÊN MÔN NGOẠI NGỮ	
20	Phùng Hoàng Thảo	28/04/96	Lâm Đồng	Nữ	NH Sacombank Đà Lạt	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	Chính quy	Quản trị kinh doanh	2019	TB			KVI	7.00	6.25	1.00	82.50	10.00	14.25	2001100
21	Ngô Hà Phương	19/08/95	Thái Nguyên	Nữ	Cy TNHH Thương phẩm ASUZAC Đà Lạt	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Công nghệ sinh học	2017	Khá	X	DT	7.00	5.75	1.00	Miễn	10.00	13.75	2001101	
22	Lưu Trần Quân	10/10/88	Lâm Đồng	Nam	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN, CN Lâm Đồng	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM	Chính quy	Tài chính - Ngân hàng	2010	Khá			6.50	8.00	-	83.00	-	14.50	2001102	
23	Trần Thị Sinh	27/08/95	Bình Định	Nữ	Cy TNHH Đầu tư và phát triển sản xuất NN VinEco	Trường Đại học Nông lâm TP. HCM	Chính quy	Lâm nghiệp	2017	Khá	X		7.75	6.75	-	86.00	-	14.50	2001103	
24	Thị Lý Thắng	15/12/94	Lâm Đồng	Nam	Cy CPDV đô thị Đà Lạt	Trường Đại học Nông lâm TP. HCM	Chính quy	Bảo vệ Thực vật	2016	Khá	X	KVI	6.25	6.25	1.00	82.50	10.00	13.50	2001104	
25	Nguyễn Thị Ngọc	12/10/93	Bình Thuận	Nữ	Ngân hàng Vietcombank Lâm Đồng	Trường ĐH Công nghiệp thực phẩm TP. Hồ Chí Minh	Chính quy	Kế toán	2015	Khá			6.75	7.25	-	82.50	-	14.00	2001105	
26	Trần Đức Trường	08/08/85	Thái Bình	Nam	Giang Hàng không Liên Khương	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Toán tin	2008	TB	X		6.25	5.50	-	80.50	-	11.75	2001106	
27	Hoàng Thị Hải Tuyền	01/11/82	Lâm Đồng	Nữ	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN, CN Lâm Đồng	Trường Đại học Dân lập Văn Lang	Chính quy	Quản trị kinh doanh	2004	Khá		DT	5.00	4.00	1.00	74.00	10.00	10.00	2001107	
28	Tân Thị Thảo Vi	05/08/96	Đắk Lắk	Nữ		Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Sư phạm Sinh học	2020	TB			7.75	7.25	-	81.00	-	15.00	2001108	
29	Hồ Hoàng Vũ Nguyễn	05/08/84	Lâm Đồng	Nam		Trường Đại học mở TP. Hồ Chí Minh	Via làm vừa học	Quản trị kinh doanh	2010	Trung bình khá			7.25	6.50	-	61.00	-	13.75	2001109	

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	PHÁI	NƠI CÔNG TÁC	VĂN BẰNG ĐẠI HỌC					ĐIỂM THI CÁC MÔN					TỔNG <sup>1</sup>	MSHV		
						TRƯỜNG TỐT NGHIỆP	HỆ ĐẠO TẠO	NGÀNH TỐT NGHIỆP	NĂM TỐT NGHIỆP	LOẠI	CC BỒ TỨC	ƯU TIÊN	CƠ SỞ	CƠ BẢN	ƯU TIÊN MÔN CƠ BẢN			NGOẠI NGỮ	ƯU TIÊN MÔN NGOẠI NGỮ
30	Trương Thị Vy	11/07/85	Lâm Đồng	Nữ	Cty cổ phần được Lâm Đồng	Trường Đại học Đà Lạt	Chính quy	Tài chính kế toán	2011	TB Khá		KVI	7.25	5.25	1.00	72.50	10.00	13.50	20011110

<sup>1</sup>Tổng : Điểm thi môn cơ sở + Điểm thi môn cơ bản + điểm ưu tiên môn cơ bản( nếu có).



**HIỆU TRƯỞNG**

Lê Minh Chiến

